

Phục lục 2

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NĂM HỌC 2024 - 2025
ĐỘ TUỔI: MẪU GIÁO 5-6 TUỔI
(Kèm theo Kế hoạch giáo dục nhà trường số 78/KHGD-MNDN ngày 24 tháng 9 năm 2024 của Trường Mầm non Diễm Ngọc)

MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
1. Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A. + Trẻ trai: Cân nặng: 15,9- 27,1kg Chiều cao: 106,1- 125,8cm + Trẻ gái: Cân nặng: 15,3- 27,8kg Chiều cao: 104- 125,4cm	+ Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng , + Tập các bài tập thể dục thư giãn, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét ờng xuyên + Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ KNS: Trẻ có kỹ năng ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng -Kỹ năng tập các bài tập thể dục thư giãn, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét ờng xuyên - Trẻ có kỹ năng vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì. + Khám sức khỏe định kỳ.
2. Trẻ lựa chọn được một số thực phẩm khi được gọi tên nhóm: - Thực phẩm giàu chất đạm: thịt, cá... Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau, quả...Nói được tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản: rau có thể luộc, nấu canh; thịt có thể luộc, rán, kho; gạo nấu cơm, nấu cháo...	- Nhận biết, phân loại một số thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm. + Thực phẩm giàu chất đạm: Thịt, cá, trứng, sữa ,... + Thực phẩm giàu vitamin và muối khoáng: rau xanh, củ, quả chín. + Thực phẩm giàu chất bột đường: gạo ngô, khoai, sắn, bánh mì và các loại bánh + Thực phẩm giàu Lipit(béo): Lạc, vừng đậu, mỡ động vật, dầu thực vật, bơ, dừa. - Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Trẻ biết tên một số món ăn hàng ngày: trứng rán, cá kho, canh rau... - Làm quen với một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.
3. Trẻ Biết: ăn nhiều loại thức ăn, ăn	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của ăn

chín, uống nước đun sôi để khỏe mạnh; uống nhiều nước ngọt, nước có gas, ăn nhiều đồ ngọt dễ béo phì không có lợi cho sức khỏe.	uống đủ lượng và đủ chất tăng sức đề kháng phòng chống dịch covid- 19. - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
4. Thực hiện được một số việc đơn giản: Tự rửa tay, Tự lau mặt, đánh răng. Tự thay quần, áo. Đi vệ sinh.	-Tập luyện kĩ năng: đánh răng, lau mặt, rửa tay bằng xà phòng. - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn và để vào nơi quy định. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách.
5. Có một số hành vi và thói quen tốt trong ăn uống: Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống thành thạo	- Sử dụng đồ dùng phục vụ ăn uống bát thìa, đĩa, cốc... đúng cách, thành thạo. - Tự xúc cơm ăn gọn gàng không làm đổ cơm, thức ăn ra ngoài. + Mời cô, mời bạn khi ăn và ăn từ tốn. + Không đùa nghịch, không làm đổ vãi thức ăn nhặt thức ăn rơi vãi và bỏ vào đĩa.. -Ăn nhiều loại thức ăn khác nhau. (Uống nước đã đun sôi, Không uống nước lã, rót vừa lượng nước để uống không ăn quà vặt ngoài đường.) - Ăn hết khẩu phần, không kén chọn thức ăn.
6. Trẻ biết và không ăn uống một số thứ có hại cho sức khỏe.(CS 20)	- Kể tên các thức ăn, nước uống - Không ăn uống những thức ăn có hại cho sức khỏe.
7. Có một số hành vi và thói quen tốt trong vệ sinh, phòng bệnh. Vệ sinh răng miệng: sau khi ăn hoặc trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy. + Đi vệ sinh đúng nơi quy định. + Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp. + Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh. + Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... + Che miệng khi ho, hắt hơi.	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe - Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể (mặc ấm về mùa đông, mát về mùa hè và phù hợp với thời tiết...) Vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người (Bỏ rác đúng nơi quy định, không khạc nhổ bừa bãi...) - Vệ sinh răng miệng: Đánh răng, hoặc súc nước muối sau khi ăn, trước khi đi ngủ, sáng ngủ dậy để phòng bệnh covid-19 - Ra nắng đội mũ; đi tắt, mặc áo ấm khi trời lạnh. - Đeo khẩu trang khi đi ra ngoài và những nơi công cộng đúng cách. - Nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt.... - Che miệng khi ho, hắt hơi. - Đi vệ sinh đúng nơi quy định. - Bỏ rác đúng nơi qui định; không nhổ bậy ra lớp.

	KNS: - Dạy trẻ một số kỹ năng nhặt và phân loại rác. - Dạy trẻ kỹ năng đeo khẩu trang đúng cách.
8. Trẻ nhận ra bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng....là những vật dụng nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. Biết những nơi như: hồ, ao, bể chứa nước, giếng, bụi rậm ... là nguy hiểm và nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng khi đến gần; không nghịch các vật sắc, nhọn. Như bàn là, bếp điện, bếp lò đang đun, phích nước nóng. - Nhận biết và phòng tránh những nơi không an toàn như ao, hồ, sông suối, giếng, bể chứa nướcvà nói được mỗi nguy hiểm khi đến gần - Dạy trẻ kỹ năng không chơi và sử dụng đồ dùng, đồ chơi có thể gây nguy hiểm. - Kỹ năng phòng tránh đuối nước
9. Nhận biết được nguy cơ không an toàn khi ăn uống và phòng tránh:	- Biết không nên cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt để bị hóc sặc,.... - Biết không tự ý uống thuốc. - Biết ăn thức ăn có mùi ôi; ăn lá, quả lạ để bị ngộ độc; uống rượu, bia, cà phê, hút thuốc lá không tốt cho sức khỏe. KNS: -Kỹ năng không nên cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt để bị hóc sặc,....
10. Nhận biết được một số trường hợp không an toàn và gọi người giúp đỡ.	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ như: + Biết gọi người lớn khi gặp trường hợp khẩn cấp: cháy, có bạn/người rơi xuống nước, ngã chảy máu... - Biết tránh một số trường hợp không an toàn: + Biết kêu cứu khi người lạ bế ẵm, cho kẹo bánh, uống nước ngọt, rủ đi chơi. + Ra khỏi nhà, khu vực trường, lớp khi không được phép của người lớn, cô giáo. -Biết được địa chỉ nơi ở, số điện thoại gia đình, người thân và khi bị lạc biết hỏi, gọi người lớn giúp đỡ KNS: + Không đi theo và nhận quà người lạ. + Dạy trẻ kỹ năng phòng tránh nguy cơ bắt cóc. + Dạy trẻ kỹ năng thoát hiểm khi có hỏa hoạn.
11. Thực hiện một số quy định ở	- Sau giờ học về nhà ngay, không tự ý đi chơi.

trường, nơi công cộng về an toàn:	- Đi bộ trên hè; đi sang đường phải có người lớn dắt; đội mũ an toàn khi ngồi trên xe máy. - Không leo trèo cây, ban công, tường rào... KNS: Kỹ năng thực hiện nội quy ở trường và ở nhà như ko ra khỏi lớp khi cô chưa cho phép, không tự ý đi lại trong khuôn viên trường khi không có cô giáo. An toàn khi tham gia giao thông.
12. Trẻ biết hút thuốc lá có hại và không lại gần người đang hút thuốc (CS 26)	- Nhận biết việc hút thuốc lá là độc hại cho cơ thể con người - Kể được một số tác hại thông thường của thuốc lá khi hút hoặc ngửi phải khói thuốc lá - Thể hiện thái độ không đồng tình với người hút thuốc lá bằng lời nói hoặc hành động
13. Tham gia hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 phút (Chỉ số 14)	- Tham gia hoạt động tích cực - Không có biểu hiện mệt mỏi như: ngáp, ngủ gật...
b. Phát triển vận động	
14. Trẻ thực hiện đúng, thuần thục các động tác của bài thể dục theo hiệu lệnh hoặc theo nhịp bản nhạc / bài hát. Bắt đầu và kết thúc động tác đúng nhịp.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên (kết hợp với vẩy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân). + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Lưng, bụng, lườn: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang; nhảy lên đưa một chân về phía trước, một chân về sau. KNS: Kỹ năng tập thể dục vào mỗi buổi sáng để cơ thể tràn năng lượng.
15. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể và	+Đi trong đường hẹp(sỏi , đá, bông...)

kiểm soát được vận động khi thực hiện vận động đi, đứng, chạy.	+ Đi bằng mép ngoài bàn chân. + Đi khuyu gối. + Đi trên dây (dây đặt trên sàn) + Đi lên, xuống trên ván kê dốc. + Đi trên ghế thể dục đầu đội vật. + Đi nôi bàn chân tiến, lùi. + Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. (đổi hướng ít nhất 3 lần). + Đứng một chân và giữ thẳng người trong 10 giây - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. + Chạy đích dắc theo hiệu lệnh. + Chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Chạy chậm khoảng 100-120m
16.Trẻ phối hợp tay- mắt trong vận động: tung, ném, bắt. Chuyên	+ Bắt và ném bóng với người đối diện (khoảng cách 4 m). + Tung bóng lên cao và bắt bóng. + Tung bắt bóng tại chỗ. + Đập bắt bóng tại chỗ. + Đi và đập bắt bóng. + Ném xa bằng 1 tay. + Ném xa bằng 2 tay. + Ném trúng đích đứng bằng 1 tay. + Ném trúng đích đứng bằng 2 tay. + Chuyên, bắt bóng qua đầu. + Chuyên, bắt bóng qua chân.
17. Trẻ biết phối hợp các cơ quan trong cơ thể khi thực hiện các vận động Bò –Trườn- Trèo	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m. + Bò đích dắc qua 7 điểm. + Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m. + Trườn kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30cm. + Trèo lên, xuống 7 gióng thang.
18. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong vận động và thực hiện bài tập tổng hợp.	+ Bật liên tục vào vòng.- Ném xa bằng 1 tay - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. + Bật tách chân, khép chân - Ném trúng đích đứng - Chạy nhanh 12m. + Đi lên, xuống trên ván kê dốc - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dắc - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay.

19. Trẻ thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong vận động và thực hiện bài tập tổng hợp.	-BAT - nhảy: +BAT liên tục vào vòng. +BAT xa 40 - 50cm. +BAT (nhảy) từ trên cao xuống (40 - 45cm). +BAT tách chân, khép chân qua 7 ô. +BAT qua vật cản cao 15 - 20cm. +Nhảy lò cò 5m - Bài tập tổng hợp: +BAT liên tục vào vòng .- Ném xa bằng 1 tay - Chạy liên tục theo hướng thẳng 18 m trong 10 giây. +BAT tách chân, khép chân - Ném trúng đích đứng - Chạy nhanh 12m. +Đi lên, xuống trên ván kê dốc - Bò vòng qua 5 - 6 điểm đích dốc - Ném trúng đích đứng bằng 1 tay. KNS: Kỹ năng bat , bò trườn trong cuộc sống thực tế khi cần thiết.
20. Trẻ thực hiện được các vận động: - Uốn ngón tay, bàn tay; xoay cổ tay. - Gập, mở lần lượt từng ngón tay	- Các loại cử động bàn tay, ngón tay và cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau. - Bẻ, nắm. - Lấp ráp.
21. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay - mắt trong một số hoạt động: Vẽ, sao chép hình, cắt, dán, xếp chồng, cài, cởi cúc, khâu dây, kéo khóa.	- Vẽ hình, tô, đồ theo nét. - Xé, cắt theo đường viền của hình vẽ. - Xếp chồng - Cài, cởi cúc, kéo khóa (phéc mơ tuya), khâu, luồn, buộc dây. - Ghép và dán hình đã cắt theo mẫu. KNS: - Kỹ năng mặc quần áo, cài, cởi cúc, buộc dây...
22. Biết tô màu kín, không chòem ra ngoài đường viền các hình vẽ (Cs8)	- Sử dụng bút. - Biết cầm bút đúng, tô màu đều, không chòem ra ngoài nét vẽ. KNS: Kỹ năng cầm bút thành thạo.
II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC	
1. Khám phá khoa học	
23. Phối hợp các giác quan để quan	- Chức năng các giác quan và các bộ phận khác của

sát, xem xét và thảo luận về sự vật, hiện tượng như sử dụng các giác quan khác nhau để xem xét lá, hoa, quả... và thảo luận về đặc điểm của đối tượng	cơ thể. + Đôi tay kỳ diệu, Đôi tai của bé. Các giác quan... - Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. + Một số đồ dùng trong gia đình - Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông. + Một số PTGT đường bộ, PTGT đường thủy, PTGT đường sắt, đường hàng không... - Đặc điểm, ích lợi và tác hại của con vật, cây, hoa, quả. + Một số đv nuôi trong gia đình, đv sống trong rừng, đv sống dưới nước, các loại côn trùng + Một số loại hoa, 1 số loại rau, 1 số loại quả... - Các nguồn nước trong môi trường sống. + Cây xanh và môi trường sống. Sự phát triển của cây từ hạt... - Một số đặc điểm, tính chất của nước. Khám phá về nước - Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi. (Trải nghiệm vật chìm, vật nổi, tan- không tan...)
24. Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán, nhận xét và thảo luận.	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. + Tìm hiểu về các nguồn nước - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó với cuộc sống con người, con vật và cây. + Thí nghiệm sự phát triển của cây từ hạt - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Thí nghiệm: + Gieo hạt; + Tan hay không tan; + Chìm nổi + Nước sạch nước bẩn. + Sự kỳ diệu của nước. + Bắt gió + Sự bay hơi của nước
25. Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và	- Nêu được thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau: xem sách tranh ảnh, băng hình, trò chuyện và thảo luận

thảo luận.	- Nghe kể chuyện đọc thơ. - Xem tranh truyện. - Làm quen với đọc sách. - Làm ambul truyện tranh theo chủ đề - Quan sát các sự vật hiện tượng xung quanh. - Thảo luận nhóm - Trò chơi
26. Phân loại các đối tượng theo những dấu hiệu khác nhau.	- Phân loại đồ dùng, đồ chơi theo 2 - 3 dấu hiệu. + Đồ dùng đồ chơi trong trường mầm non + Đồ dùng trong gia đình + Đồ dùng học tập - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2 - 3 dấu hiệu. + Tìm hiểu 1 số loại cây, 1 số loại hoa, 1 số loại quả + Một số đv nuôi trong gia đình, đv sống trong rừng, đv sống dưới nước, các loại côn trùng - Phân loại phương tiện giao thông theo 2 - 3 dấu hiệu. + Một số PTGT đường bộ, PTGT đường thủy, PTGT đường sắt, đường hàng không...
27. Giải thích được mối quan hệ nguyên nhân - kết quả đơn giản trong cuộc sống hàng ngày (Chỉ số 114)	- Nêu được nguyên nhân dẫn đến hiện tượng đó. - Hiện tượng nắng, mưa, nóng, lạnh, lũ lụt, hạn hán, sạt lở đất... - Giải thích bằng mẫu câu “Tại vì..nên...”
28. Trẻ nói được một số đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm. Tò mò tìm tòi, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh như đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa?...	- Các mùa trong năm : Mùa Xuân, mùa hạ, mùa thu , mùa đông(Bổ sung thêm) - Một số ngày lễ hội theo mùa trong năm - Một số đặc điểm đặc trưng của mùa: Có tết trung thu; Mùa xuân: cây cối đâm chồi nảy lộc, có tết cổ truyền; mùa đông: giá rét, mùa hạ: nắng nóng, thả diều, tắm biển.... - Tìm hiểu, khám phá các sự vật, hiện tượng xung quanh. - Thường xuyên đặt câu hỏi về sự vật, hiện tượng: Tại sao có mưa? Tại sao có sấm... Thời tiết. - Ngày và đêm - Các ngày trong tuần. - Nước và mùa hè - Đất, đá, cát, sỏi - Một số hiện tượng: Nắng- mưa- gió bão, sấm sét.

29. Nhận xét được mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng. Ví dụ: “Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi”.	- Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. + Làm các Thí nghiệm: chất tan trong nước, pha màu nước, nhốt không khí vào bao, Nắp cốc có những giọt nước do nước nóng bốc hơi...”. - Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
30. Giải quyết vấn đề đơn giản bằng các cách khác nhau.	- Tự nghĩ ra các cách khác nhau để giải quyết vấn đề đơn giản. + Tạo ra các tình huống cho trẻ giải thích.
31. Nhận xét, thảo luận về đặc điểm, sự khác nhau, giống nhau của các đối tượng được quan sát.	- So sánh sự khác nhau và giống nhau của đồ dùng, đồ chơi và sự đa dạng của chúng. + Các đồ chơi trong trường MN, các đồ dùng trong gia đình - So sánh sự khác nhau và giống nhau của một số con vật, cây, hoa, quả. + Các loại cây, 1 số loại hoa, 1 số loại quả + Một số đv nuôi trong gia đình, đv sống trong rừng, đv sống dưới nước, các loại côn trùng - Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trời, mặt trăng.
32. Thể hiện hiểu biết về đối tượng qua hoạt động chơi, âm nhạc và tạo hình...	- Thể hiện vai chơi trong trò chơi đóng vai theo chủ đề gia đình, trường học, bệnh viện...; mô phỏng vận động/ di chuyển/ dáng điệu các con vật. - Hát các bài hát về cây, con vật, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất... - Vẽ, xé, dán, nặn ... các con vật, cây, mưa, bầu trời, mặt trăng, mặt trời, trái đất..
2. Làm quen với một số khái niệm sơ đẳng về toán	
33. Trẻ biết quan tâm đến con số, biết đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng.	- Đếm trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng + Ôn số lượng trong phạm vi 5 + Đếm đến 6, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 6, Nhận biết số 6 + Đếm đến 7, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 7, Nhận biết số 7 + Đếm đến 8, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 8, Nhận biết số 8 + Đếm đến 9, nhận biết các nhóm đối tượng trong phạm vi 9, Nhận biết số 9 + Đếm đến 10, nhận biết các nhóm đối tượng trong

	phạm vi 10, Nhận biết số 10
34. So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất.	- So sánh số lượng của ba nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được kết quả: bằng nhau, nhiều nhất, ít hơn, ít nhất - So sánh thêm bớt các nhóm đối tượng trong phạm vi 6 (Số 6 tiết 2) - So sánh thêm bớt các nhóm đối tượng trong phạm vi 7 (Số 7 tiết 2) - So sánh thêm bớt các nhóm đối tượng trong phạm vi 8 (Số 8 tiết 2) - So sánh thêm bớt các nhóm đối tượng trong phạm vi 9 (Số 9 tiết 2) - So sánh thêm bớt các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 (Số 10 tiết 2)
35. Gộp các nhóm đối tượng trong phạm vi 10 và đếm. -Tách một nhóm đối tượng trong phạm vi 10 thành hai nhóm bằng các cách khác nhau.	Tách/ Gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau trong phạm vi 10 - Tách gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 6 (Số 6 tiết 3) - Tách gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 7 (Số 7 tiết 3) - Tách gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 8. (Số 8 tiết 3) -Tách gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 9. (Số 9 tiết 3) -Tách gộp các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm trong phạm vi 10. (Số 10 tiết 3)
36. Nhận biết các số từ 5 - 10 và sử dụng các số đó để chỉ số lượng, số thứ tự được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Các chữ số, số lượng và số thứ tự trong phạm vi 10. - Nhận biết ý nghĩa các con số - Các chữ số, số lượng và các số thứ tự trong phạm vi 10 - Nhận biết ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe, , số phòng cháy chữa cháy (cứu hỏa 114), số công an cơ động (113), cấp cứu 115...)
37. Biết sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu	- So sánh, phát hiện qui tắc sắp xếp và sắp xếp theo qui tắc.

38. Nhận ra qui tắc sắp xếp (mẫu) và sao chép lại. Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp	- Tạo ra qui tắc sắp xếp. - Sáng tạo ra mẫu sắp xếp và tiếp tục sắp xếp - Sắp xếp các đối tượng theo trình tự nhất định theo yêu cầu
39. Sử dụng một số dụng cụ để đo, đong và so sánh, nói kết quả.	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau. - Đo độ dài các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo. - Đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.
40. Gọi tên và chỉ ra các điểm giống, khác nhau giữa hai khối cầu và khối trụ, khối vuông và khối chữ nhật.	- Ôn tập nhận biết, gọi tên khối cầu, khối trụ khối vuông, khối chữ nhật, - Nhận dạng các khối cầu, khối trụ, khối vuông, khối chữ nhật trong thực tế. - Chắp ghép các hình hình học
41. Sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đồ vật so với vật làm chuẩn.	- Xác định vị trí của đồ vật (phía trước - phía sau; phía trên - phía dưới; phía phải - phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn.
42. Gọi đúng tên các thứ trong tuần, các mùa trong năm.	- Nhận biết hôm qua, hôm nay, ngày mai. - Gọi tên các thứ trong tuần. - Nói được hôm nay là thứ mấy và hôm qua, ngày mai là thứ mấy. - Các mùa trong năm Mùa xuân-Hạ Thu- Đông - Nói được hôm qua đã làm việc gì, hôm nay làm gì và cô dặn, mẹ dặn ngày mai làm việc gì? - KNS: Trẻ biết ngày hôm nay, hôm qua, ngày mai khi người khác hỏi.
43. Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ (Chỉ số 111)	- Nói được ngày trên lịch và giờ trên đồng hồ. - Biết lịch dùng để làm gì và đồng hồ để làm gì
3/ Khám phá xã hội	

44. Nói đúng họ, tên, ngày sinh, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện. Nói tên, tuổi, giới tính, công việc hàng ngày của các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình.	- Họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Bé giới thiệu về mình - Họ tên, tuổi, giới tính, sở thích, đặc điểm bên ngoài của các thành viên trong gia đình. - Các thành viên trong gia đình, nghề nghiệp của bố, mẹ. - Gia đình bé yêu KNS: Trẻ biết yêu thương gia đình mình, yêu bố mẹ ông bà anh chị em.... KNS: Trẻ biết giới thiệu bản thân trẻ. Vị trí trẻ trong gia đình KNS: phối hợp gia đình chuẩn bị cho trẻ vào lớp 1
45. Nói địa chỉ gia đình mình (số nhà, đường phố/thôn, xóm), số điện thoại (nếu có) ... khi được hỏi, trò chuyện. Nói tên, địa chỉ và mô tả một số đặc điểm nổi bật của trường, lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Qui mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). Nhu cầu của gia đình. Địa chỉ gia đình. - Những đặc điểm nổi bật của trường lớp mầm non. - Tìm hiểu về trường Mầm non - Lớp học của bé KNS: Dạy trẻ kỹ năng ko đi theo người lạ. Không cung cấp sdt của gia đình Dạy trẻ cách báo thông tin gia đình và người thân khi bị lạc đường.
46. Nói tên, công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi, trò chuyện. Nói họ tên và đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.	- Biết Tên, công việc của các cô giáo, các cô nhân viên, các bác bảo vệ trong trường. - Cô giáo của em - Tập làm cô giáo - Cô cấp dưỡng trường em - Đặc điểm, sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường
47. Nói đặc điểm và sự khác nhau của một số nghề. Ví dụ: nói “Nghề nông làm ra lúa gạo, nghề xây dựng xây nên những ngôi nhà mới ...”	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương. - Nghề sản xuất - Nghề đánh bắt cá - Nghề dịch vụ - Nghề giúp đỡ cộng đồng

	- Nghề xây dựng - Nói được sự khác nhau của một số nghề.
48. Kể tên một số lễ hội và nói về hoạt động nổi bật của những dịp lễ hội.	- Kể tên một số lễ hội: - Ngày hội đến trường của bé, - Bé vui đón tết trung thu - Ngày hội của bà, của mẹ 20/10 - Ngày hội của cô giáo 20/11 - Ngày 22/12 - Bé vui đón tết nguyên đán - Ngày hội mừng 8/3 - Mừng sinh nhật Bác
49. Kể tên và nêu một vài nét đặc trưng của danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử của quê hương, đất nước.,	- Kể tên, nêu đặc điểm nổi bật của một số di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, sự kiện văn hoá của quê hương, đất nước: -Thăm quan Di tích lịch sử Đền thiên - Thăm quan nghĩa trang liệt sỹ xã Diễn Ngọc - Biển Diễn Thành, quê nội, quê ngoại Bác Hồ, - Xem tranh ảnh, video về Đền Cuông, Cửa Lò, quê Bác, Quảng trường Hồ Chí Minh - Trường Tiểu học Diễn Ngọc
III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ	
Nghe hiểu lời nói	
50. Thực hiện được các yêu cầu trong hoạt động tập thể.	- Nghe, Hiểu lời nói và làm theo được 2, 3 yêu cầu liên tiếp
51. Hiểu nghĩa từ khái quát: phương tiện giao thông, động vật, thực vật, đồ dùng (đồ dùng gia đình, đồ dùng học tập,...).	- Nghe, hiểu nghĩa các từ khái quát: + phương tiện giao thông: ô tô, xe máy, tàu hỏa, thuyền bè, ca nô... + Động vật: gà, vịt, trâu bò, tôm cá, hổ, báo, thỏ, chim.... + Thực vật: cây xanh, cây hoa, cây rau, các loại quả.... + Đồ dùng gia đình: bàn là, đèn học, ấm điện, dương tủ, bàn ghế... + Đồ dùng học tập: sách vở, cặp,bút, phấn bảng - Nghe, hiểu nghĩa từ trái nghĩa. + hiện tượng tự nhiên: lạnh- nóng, mưa- nắng, hạn hán- lũ lụt...

52. Lắng nghe và nhận xét ý kiến của người đối thoại.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
53. Trẻ biết nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2-3 hành động (CS 62)	Nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2-3 hành động
Sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	
54. Kể rõ ràng, có trình tự về sự việc, hiện tượng nào đó để người nghe có thể hiểu được.	- Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu. - Trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: tại sao? có gì giống nhau? có gì khác nhau? do đâu mà có?. - Đặt các câu hỏi: tại sao? như thế nào? làm bằng gì?. - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp.
55. Sử dụng các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm,... phù hợp với ngữ cảnh.	- Nghe, sử dụng các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng, hoạt động phù hợp với ngữ cảnh.
56. Dùng được câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh,..	- Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu ghép câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau.
57. Miêu tả sự việc với nhiều thông tin về hành động, tính cách, trạng thái, ... của nhân vật.	- Kể lại sự việc theo trình tự. - Kể lại chuyện được nghe, được thấy - Hiểu được nội dung câu chuyện mình kể. KNS: - Rèn cho trẻ kỹ năng kể chuyện.
58. Đọc biểu cảm bài thơ, đồng dao, ca dao...	- Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè . - Thơ: Chơi ú tim - Chủ đề trường mầm non: Trăng sáng; Gà học chữ, tình bạn, ;Bé học toán, Làm quen chữ số, chơi bập bênh,Cô giáo của em, gà con học đếm - Chủ đề bản thân: Lời bé, Tay ngoan, Chiếc bóng, Những con mắt, em vẽ, xòe tay, phải là hai tay, tay đẹp; Con công hay múa, rềnh rềnh ràn ràn, dung dăng dung dẻ, Vuốt hột nỏ Cánh hoa nở, Tiếng động quanh em...Bé chẳng sợ tiêm... Mèo ơi rửa mặt (Nguyễn Bá Đan), Mèo tập đánh rang (Nguyễn Thị Mỹ Phương), Mất để làm gì?

	Tâm sự của cái mũi (Phạm Hổ), Lời chào đi trước (Nguyễn Hoàng Sơn), B ơ i (Phong Thu), Thỏ bông bị ốm. - Chủ đề gia đình: : Quà của bố. Giữa vòng gió thơm, làm anh, Ông cháu nhà vịt, mẹ của em, Em yêu nhà em, Ngôi nhà, Cháu dắt tay ông, quạt cho bà ngủ, Chia phần... Ca dao, tục ngữ về gia đình. - Bài thơ chủ đề nghề nghiệp: Hạt gạo làng ta, Ước mơ của tỵ, Chú bộ đội hàng quân trong mưa, , Chiếc cầu mới, bé làm bao nhiêu nghề, Làm bác sỹ.. .Bát cơm ngày mùa...Họa sỹ voi, Ước mơ của bé. - Chủ đề thực vật: Hoa cúc vàng, cây đào, Bó hoa tặng cô, Vòng quay luân chuyển Ăn quả, về trái cây, Họ nhà cam quýt, Màu của quả, hoa kết trái, Lúa ngô là cô đậu nành. Lời chào của hoa, Dàn gác, Hái nấm cỏ, Hoa đồng hồ (Tác giả Phạm Thái Quỳnh) - Chủ đề động vật: Mèo đi câu cá, nàng tiên ốc, gà mẹ đếm con, về loài vật, Bác gấu đen và 2 chú thỏ, Gà nở, con chim chiền chiện, ong và bướm, đom đóm, Con kiến mà leo cành đa. Anh chuột chũi...Chú bò tìm bạn..Chuồn chuồn. Gà con học đếm. Anh dế mèn con gà mái hoa. Cún con. Chú heo con. Dế và đom đóm. - Chủ đề giao thông: Chú cảnh sát giao thông, Tiếng còi tau, Cô dạy con, Giúp bà, Trên đường, đàn kiến nó đi, Mẹ đỡ bé, Bé và mẹ, Đèn giao thông, em không như chú mèo, chiếc xe lu, Đèn xanh, đèn đỏ, Sang đường, Cháu dắt tay ông (Nguyễn Phan Khuê), tiếng động quanh ông (Sưu tầm) - Chủ đề Nước và hiện tượng tự nhiên: Nắng bốn mùa; Mưa; Trưa hè, Bình minh trong vườn, Mưa rơi, Mây , cầu vồng, đồng dao nói ngược, Giọt nắng (Vương Triều Hải). - Chủ đề Quê hương- Bác Hồ: Ảnh Bác; em vẽ Bác Hồ, Hoa, Quê em vùng biển, Bé vào lớp 1, Hoa quanh lăng, Đố ai đếm được lá rừng, về thăm quê, vườn em (Trần Đăng Khoa).
59. Trẻ biết thay đổi một vài tình	- Kể lại sự việc theo trình tự truyện đã được nghe.

tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện. Kể lại truyện theo đúng trình tự

*** Chủ đề trường mầm non:** Món quà của cô giáo, Thỏ trắng biết lỗi, Ai quan trọng nhất, Mèo con và quyển sách Bạn mới, chiếc áo đẹp bài học đầu năm... Bàn tay có nụ hôn, Cháu rất nhớ bạn ấy, Gà tơ đi học

- **Chủ đề bản thân:** Cái đuôi của sóc nâu, giấc mơ kỳ lạ, câu chuyện tay phải tay trái, Đôi tai xấu xí, Mỗi người một việc, Gấu con bị đau răng, Mời bạn đến chơi nhà,

- **Câu chuyện chủ đề gia đình:** Bông hoa cúc trắng; Ba cô gái, cây khế, bàn tay có nụ hôn, Hai anh em gà con, Ai đáng khen nhiều hơn, Chú Vịt tốt bụng

- **Chủ đề nghề nghiệp:** Hai anh em, Ba anh em, bác sỹ chim, Ba chú lợn nhỏ. Thần sắt; Ba cô gái; Con thích làm Bác sỹ; Sự tích cây khoai lang;

- **Chủ đề thực vật:** Sự tích bông hoa cúc trắng, sự tích quả dưa hấu, Cây tre trăm đốt, Chuyện của hoa phù dung, Quả bầu tiên (Kim Tuyến), (Phỏng theo truyện cổ tích), Sự tích Hoa hồng (Theo báo hoa hồng), Hoa bìm bìm, Sự tích bánh chưng bánh dày (Truyện cổ tích Việt Nam), Cây rau của thỏ út; Chiếc áo mùa xuân (Phương Anh);

- **Chủ đề động vật:** Con vật rơi xuống hồ nước. Hươu con biết nhận lỗi. Bạn lợn lười tắm. Tại sao gà trống gáy. Chim vàng Anh ca hát .. âm nhạc Heo con. Làm chú chuồn chuồn. Cua và cá. Vì sao con chim hót.

Tìm mãi ri thoi Chị nà

Chú dê đen, Cáo Thỏ và Gà Trống, Cá chép con, những nghệ sỹ của rừng xanh, Cá cầu vòng can đảm, cuộc phiêu lưu của những chú gà nhí... Chuyến đi xa của chú chuột nhỏ, Chuyện của dê con... Cây rau của thỏ út; Ba anh em (truyện cổ Grim) Chú dê đen (Nhà xuất bản giáo dục), Truyện của dê con, Dê con nhanh trí, mèo lại hoàn mèo (Truyện ngụ ngôn Việt Nam), Con gà trống kiêu căng (Trần Thị Ngọc Trâm); Ai đáng khen nhiều hơn; Quả trứng của ai; Cuộc thi bơi của tôm cua cá; Cá diếc con; Bác sỹ chim;

- **Chủ đề giao thông:** Xe đạp con trên đường phố; Chiếc xe lu (Trần Nguyên Đảo) Một phen sợ hãi (Phạm Minh Thư), Kiến con đi xe ô tô (Phạm Mai Chi), Những tám biển biết nói, Thỏ con đi học (Đỗ

	Thị Ngọc Anh), Qua đường (T.H); Vì sao thả cút đuôi (Phạm Hoàng Yển); Những tấm biển biết nói (Nguyễn Đức); - Chủ đề Nước và hiện tượng tự nhiên; Sự tích chú Cuội Cung trăng, Con Vật rơi xuống hồ nước..., Cóc kiện trời. Sự tích ngày và đêm, Sơn tinh thủy tinh (Phỏng theo truyện cổ tích Việt Nam), Giọt nước tý xiu (Nguyễn Linh); Nàng tiên bóng đêm (Vi Tiểu Thanh); Chú bé giọt nước; Cô con út của ông mặt trời (Thu Hằng); - Chủ đề Quê hương- Bác Hồ: Khen các cháu; Ai ngoan sẽ được thưởng, Sự tích bánh chưng bánh giầy, Chàng Rùa. Sự tích Hồ gươm (Phỏng theo truyền thuyết sự tích Hồ Gươm), Quả táo, Niềm vui bất ngờ (Nhà xuất bản Kim Đồng). Thánh gióng (Phỏng theo truyện cổ tích Việt Nam);
60. Đóng được vai của nhân vật trong truyện.	-Thể hiện được tích cách của các nhân vật khi tham gia đóng kịch. - Ba cô gái - Tay phải tay trái - Hai anh em - Chú dê đen - Ai đáng khen nhiều hơn - Qua đường
61. Sử dụng các từ: cảm ơn, xin lỗi. xin phép, thưa, dạ, vâng... phù hợp với tình huống	- Sử dụng các từ biểu cảm lễ phép, hình tượng: xin phép, thưa, dạ, vâng... - Thể hiện cử chỉ điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh tình huống giao tiếp giữa cô- trẻ, trẻ- trẻ...
62. Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện (Chỉ số 72)	- Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người xung quanh. - Biết khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau.
63. Điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp.	- Điều chỉnh cường độ giọng nói. - Nói với một tốc độ, giọng điệu thích hợp khi giao tiếp với người lớn, với cô giáo, với bạn bè - Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp

64. Không nói leo, không ngắt lời người khác khi trò chuyện (Chỉ số 75)	- Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt. - Không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác...
65. Không nói tục, chửi bậy (Chỉ số 78)	- Nói lễ phép, sử dụng các từ lịch sự.
Làm quen với việc đọc – viết	
66. Chọn sách để “đọc” và xem.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Làm quen với cách sử dụng sách, cách đọc sách. - Phân biệt mở đầu, kết thúc của sách. - Có ý thức giữ gìn bảo vệ sách. KNS: Kỹ năng xem sách, xem từ đầu đến cuối, cách cầm sách...
67. Kể chuyện theo tranh minh họa và kinh nghiệm của bản thân.	- Kể chuyện theo đồ vật, theo tranh. Truyện tích chu, Ba cô gái, cây khế, Ai đáng khen nhiều hơn.... KNS: Trẻ tự kể chuyện sáng tạo ở thư viện lớp và trường về các câu chuyện đã được nghe và học.
68. Biết cách “đọc sách” từ trái sang phải, từ trên xuống dưới, từ đầu sách đến cuối sách.	- Làm quen với cách đọc và viết tiếng Việt: + Hướng đọc, viết: từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới. + Hướng viết của các nét chữ; đọc ngắt nghỉ sau các dấu. - Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. - “Đọc” truyện qua các tranh vẽ. - Giữ gìn, bảo vệ sách.
69. Nhận ra kí hiệu thông thường: nhà vệ sinh, nơi nguy hiểm, lối ra - vào, cấm lửa, biển báo giao thông...	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông: đường cho người đi bộ,...)
70. Nhận dạng các chữ trong bảng chữ cái tiếng Việt.	- Nhận dạng các chữ cái - phát âm được các chữ cái đã học. o- ô- ơ; a- ă- â; e- ê; u- ư; l- t- c; b- d- đ; m- n; h- k; p- q; g- y; v- r; s- x * Làm quen chữ cái - Chữ cái o, ô, ơ. - Chữ cái a, ă, â - Chữ cái e, ê - Chữ cái u, ư, - Chữ cái l, t, c

	- Chữ cái b, d, đ - Chữ cái m, n - Chữ cái l, h, k - Chữ cái p, q. - Chữ cái g, y - Chữ cái v, r. - Chữ cái s, x *Trò chơi chữ cái: Chữ cái o, ô, ơ. - Chữ cái a, ă, â - Chữ cái e, ê - Chữ cái u, ư, - Chữ cái l, t, c - Chữ cái b, d, đ - Chữ cái m, n - Chữ cái l, h, k - Chữ cái p, q. - Chữ cái g, y - Chữ cái v, r. - Chữ cái s, x
71. Tô, đồ các nét chữ, sao chép một số kí hiệu, chữ cái, tên của mình.	- Sao chép một số kí hiệu như biển báo giao thông, biển báo cấm..., - Sao chép chữ cái, tên của mình. KNS: Trẻ có thể xếp chữ, tô, đồ nét chữ và sao chép chữ cái qua các trò chơi và các hoạt động ngoài sân trường hoặc hoạt động Góc. Tăng cường: Trẻ có thể trả lời và đặt câu hỏi về tên của mình và của bạn bằng tiếng anh. Ví dụ: What's your name? (Tên của bạn là gì?) Hi, I'm Minh, and you? (Xin chào, tôi tên Minh, còn bạn?)
72. Thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh (Chỉ số 79)	- Thường xuyên bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe... - Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách.
73. Thể hiện sự thích thú với sách (Chỉ số 80)	- Thường xuyên biểu hiện hành vi đọc, giả vờ đọc sách truyện, kể chuyện...

	- Hứng thú , nhiệt tình tham gia các hoạt động đọc, kể chuyện theo sách ở lớp. - Thể hiện sự thích thú với chữ cái, sách, đọc, kể chuyện.
74. Biết dùng các kí hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân (Chỉ số 87)	- Giả vờ đọc và sử dụng ký hiệu chữ viết và các ký hiệu khác để biểu lộ ý muốn, suy nghĩ. - Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác.
IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI	
Thể hiện ý thức về bản thân	
75. Nói được điều bé thích, không thích., những việc bé làm được và việc gì bé không làm được.	Nói được sở thích, khả năng của bản thân.
76. Nói được mình có điểm gì giống và khác bạn (dáng vẻ bên ngoài, giới tính, sở thích và khả năng).	- Điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
77. Biết vâng lời, giúp đỡ bố mẹ, cô giáo những việc vừa sức.	- Vâng lời, làm một số công việc trong gia đình/ trường, lớp vừa sức.: Kê bàn ăn, trải thảm, lấy gối...
78. Ứng xử phù hợp với dưới tính của bản thân (Chỉ số 28)	- Chọn và giải thích được lí do chọn trang phục phù hợp với thời tiết (Nóng, lạnh, khi trời mưa) - Bạn gái ngồi khép chân khi mặc váy, bạn trai sẵn sàng giúp đỡ bạn gái những việc nặng hơn khi được đề nghị. KNS: - Kỹ năng lựa chọn trang phục phù hợp thời tiết.
79. Đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện sở thích của bản thân (Chỉ số 30)	- Nêu hoặc lựa chọn được các trò chơi, hoạt động mà mình thích.. + Trò chơi, hoạt động học, thực hiện bài tập, hoạt động lao động, vui chơi dã ngoại, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân...
Thể hiện sự tự tin, tự lực	
80. Tự làm một số việc đơn giản hằng ngày. Cố gắng tự hoàn thành công việc được giao.	Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến, chủ động và độc lập trong một số hoạt động(Cố gắng hoàn thành 1 bức tranh, Sắp xếp đồ dùng đồ chơi lên giá ngăn nắp gọn gàng, làm trực nhật theo lịch đã được phân công, giúp đỡ cô 1 số công việc...
81. Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc (Chỉ số 32)	- Phấn khởi, ngắm nghía, nâng niu, khoe , kể về sản phẩm của mình với người khác. - Cất cẩn thận sản phẩm.

82. Mạnh dạn nói ý kiến của bản thân (Chỉ số 34)	- Phát biểu ý kiến hoặc trả lời câu hỏi của người khác một cách tự tin, rõ ràng, lưu loát, không sợ sệt, rụt rè, e ngại.
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh	
83. Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ qua tranh; qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của người khác.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc
84. Biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên, xấu hổ.	- Bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
85. Biết an ủi và chia vui với người thân và bạn bè.	- Mỗi quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác.
86. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ và một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)	- Bác Hồ Kính yêu - Một số địa điểm gắn với hoạt động của Bác Hồ (chỗ ở, nơi làm việc...)
87. Thể hiện tình cảm đối với Bác Hồ qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ.	- Bộc lộ cảm xúc qua hát, đọc thơ, cùng cô kể chuyện về Bác Hồ. - Bài thơ: Ảnh bác, Bác Hồ của em... - Bài hát: Nhớ ơn Bác, Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh...
88. Biết một vài cảnh đẹp, di tích lịch sử, lễ hội và một vài nét văn hóa truyền thống (trang phục, món ăn...) của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến di tích lịch sử, cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước:. - Quê Bác Hồ, Quảng Trường, Cầu Bến Thủy...; Danh lam, thắng cảnh: Cửa Lò quê em...; Ngày lễ hội của địa phương: Lễ hội sông nước Cửa Lò. Đèn Cuông, KNS: Tham gia trải nghiệm và trò chuyện về các danh lam thắng cảnh gần trẻ.
89. Dễ hòa đồng với bạn bè trong nhóm chơi (Chỉ số 42)	- Nhanh chóng nhập cuộc vào hoạt động nhóm. Được mọi người trong nhóm tiếp nhận.
90. Chủ động giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi (Chỉ số 43)	- Chủ động đến nói chuyện. - Sẵn sàng trả lời các câu hỏi trong giao tiếp với những người gần gũi.
91. Sẵn sàng giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn (Chỉ số 45)	- Chủ động giúp đỡ người khác khi thấy cần sự giúp đỡ.
Hành vi và quy tắc ứng xử xã hội	
92. Thực hiện được một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng: Sau	- Một số quy định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi

khi chơi cất đồ chơi vào nơi quy định, không làm ồn nơi công cộng, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép.	ngủ; đi bên phải lề đường, vâng lời ông bà, bố mẹ, anh chị, muốn đi chơi phải xin phép)
93. Biết nói cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép.	- Sử dụng lời nói, cử chỉ, lễ phép, lịch sự.
94. Chú ý nghe khi cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.	- Lắng nghe ý kiến của cô, bạn nói, không ngắt lời người khác.
95. Biết chờ đến lượt.	- Tôn trọng, hợp tác, chấp nhận. - Chờ đến lượt mình
96. Biết lắng nghe ý kiến, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.	Lắng nghe ý kiến của người khác, trao đổi, thoả thuận, chia sẻ kinh nghiệm với bạn.
97. Biết tìm cách để giải quyết mâu thuẫn (dùng lời, nhờ sự can thiệp của người khác, chấp nhận nhường nhịn).	- Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi “đúng”-“sai”, “tốt” - “xấu”.
98. Có nhóm bạn chơi thường xuyên (Chỉ số 46)	- Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau. - Chơi hòa thuận với bạn
99. Nhận xét một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi trường (Chỉ số 56)	- Mô tả được các hành vi đúng/sai trong ứng xử với môi trường xung quanh.
Quan tâm đến môi trường	
100. Thích chăm sóc cây, con vật thân thuộc.	- Bảo vệ chăm sóc con vật (Cho con vật ăn) và cây cối (tưới cây, lau lá cây) KNS: Kỹ năng chăm sóc cây cảnh, con vật nuôi trong gia đình.
101. Biết nhắc nhở người khác giữ gìn, bảo vệ môi trường: Bỏ rác đúng nơi quy định, .không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái hoa...).	- Giữ gìn vệ sinh môi trường - Bỏ rác đúng nơi quy định. Bỏ rác vào thùng có nắp đậy KNS: Dạy trẻ kỹ năng bỏ rác đúng nơi quy định, không xả rác bừa bãi, bẻ cành, hái quả.
102. Tiết kiệm trong sinh hoạt: tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng, khoá vòi nước sau khi dùng, không để thừa thức ăn.	- Tiết kiệm điện, nước, không để thừa thức ăn. KNS: Dạy trẻ kỹ năng tiết kiệm nước, kỹ năng tắt điện, tắt quạt khi ra khỏi phòng. - Dạy trẻ kỹ năng ăn cơm không để thừa thức ăn.
V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ	
Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật.	

103. Tán thưởng, tự khám phá, bắt chước âm thanh, dáng điệu và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình khi nghe các âm thanh gợi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng.	- Thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật.
104. Chăm chú lắng nghe và hưởng ứng cảm xúc (hát theo, nhún nhảy, lắc lư, thể hiện động tác minh họa phù hợp) theo bài hát, bản nhạc; Thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ, thích nghe và kể câu chuyện.	- Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc cổ điển) và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) và hưởng ứng cảm xúc theo bài hát, bản nhạc - Chủ đề Trường Mầm non: Ngày đầu tiên đi học, Bài ca đi học, Mái trường mến yêu, Em yêu trường em.Đi học...Cô giáo Mầm Non. Nghe hát: Mẹ yêu ơi, Mẹ yêu con, Chiếc bụng đói, One little finger, The Finger family song, My Teddy bear. Hello, Bye bye goodbye (Nhạc nước ngoài) - Chủ đề Bản thân: Sinh nhật hồng. Em là chim câu trắng, năm ngón tay ngoan. Tìm bạn thân (<i>Việt Anh</i>), Năm tay thân thiết (<i>Nhạc:Hàn Quốc</i>). Em là bông hồng nhỏ (<i>Trịnh Công Sơn</i>). - Chủ đề gia đình: Chỉ có một trên đời (<i>Trương Quang Lục</i>), Khúc hát ru của người mẹ trẻ (<i>Nhạc:Phạm Tuyên.Lời Lâm Thị Mỹ Dạ</i>), Lời ru trên nường (<i>Nhạc:Trần Hoàn.Lời Nguyễn Khoa Điềm</i>), Bàn tay mẹ (<i>Bùi Đình Thảo</i>); Cho con Ru con (<i>DC Nam bộ</i>); vòng tay ba mẹ., bàn tay mẹ, Lời ru trên nường. Mẹ yêu con, mẹ yêu, Tình cha, Tổ ấm gia đình, ba ngọn nến, gia đình nhỏ hạnh phúc to,.... - Chủ đề ngành nghề: ước mơ của em, Màu áo chú bộ đội .Hạt gạo làng ta, Xe chỉ luân kim .Anh phi công ơi . Đi cấy. Đưa cơm cho mẹ đi cày , ngày mùa vui, cháu hát về Đảo xa, Ba em là bộ đội hải quân (<i>Quỳnh Hợp</i>). - Chủ đề động vật: Cái bóng,Chị ong nâu và em bé (<i>Tân Huyền</i>), Lý con khỉ (<i>Dân ca nam bộ</i>), Con mèo ra bờ sông (<i>Hoàng Hà</i>); Con chim vành khuyên (<i>Hoàng Vân</i> Tôm cá cua thi tài, Vật nuôi, Em Gà gáy le te, Lợn tròn lợn khéo, đuổi chim, thật đáng chê

	- Chủ đề Thực vật: Mùa xuân ơi , Mùa xuân nhỏ; Cây trúc xinh (Dân ca Bắc Ninh); vườn cây của ba, Lý chiều chiều (Dân ca); Chúc xuân; Như hoa mùa xuân (Tác giả Châu Đăng Khoa). Chúc tết , Mùa xuân ơi (Nguyễn Ngọc Thiện), Hoa thơm bướm lượn (Dân ca quan họ Bắc Ninh), Cây trúc xinh (Dân ca quan họ Bắc Ninh), Miền nam của em (Hoàng Nguyễn); - Chủ đề Giao thông: Ngồi tựa mạn thuyền (Dân ca quan họ Bắc Ninh), Anh phi công ơi (Nhạc:Xuân Giao.Thơ:Xuân Quỳnh), Bạn ơi có biết (Hoàng Văn Yến); Những con đường em yêu (Hoàng Văn Yến); Bỏ là tất cả (Thập Nhất); Ba em là công nhân lái xe. - Chủ đề Nước &HTTN: Mưa rơi(Dân ca Xá), Đêm sao, Hạt nắng hạt mưa; Reo vang bình minh (Lưu Hữu Phước); Nắng sớm. Mây và gió (Minh Quân); sau mưa; Khúc ca bốn mùa.Hạt mưa và em béTia nắng hạt mưa; Con kênh xanh xanh Mùa hè chia tay, - Chủ đề QH- đất nước –BH: Từ rừng xanh cháu về thăm Lăng Bác (Hoàng Long-Hoàng Lân), Em yêu trường em (Hoàng Vân), Em như chim bồ câu trắng (Trần ngọc), Đi học (Bùi Đình Thảo); Gửi anh một khúc dân ca; Ai yêu Bác Hồ Chí Minh Hơn thiếu niên nhi đồng (Phong Nhã); Trái đất này là của chúng mình (Định Hải);Em nhớ Tây Nguyên, Mùa hoa phượng nở, bác Hồ 1 tình yêu bao la,
105. Hát đúng giai điệu, lời ca, hát diễn cảm phù hợp với sắc thái, tình cảm của bài hát qua giọng hát, nét mặt, điệu bộ, cử chỉ...	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát. - Chủ đề trường MN: Ngày vui của bé (Hoàng Văn Yến), Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên) Vườn trường mùa thu (Cao Minh Khanh), Những khúc nhạc hồng (Trần Xuân Mẫn), Bàn tay cô giáo (Nhạc:Phạm Tuyên -Lời:Định Hải), Rước đèn dưới trăng (Phạm Tuyên), Gác Trăng (Nhạc:Hoàng Văn Yến. Lời: Nguyễn Trí Tâm). Hoa trường em (Dương Hưng Bang); Đêm trung thu (Phùng Như Thạch). - Chủ đề bản thân: Cái mũi (Nhạc:Nước ngoài.Lời:Lê Đức-Thu Hiền), Càng lớn càng ngoan, Mời bạn ăn (Trần Ngọc), Khuôn mặt cười (Nhạc:Hàn Quốc), Đường và chân (Nhạc:Hoàng Long.Lời:Xuân Tửu); Tôi bị ốm; Gà gáy vang dậy bạn ơi (Văn Dung); Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích);

Cùng đi đều; Tay thơm tay ngoan (*Bùi Đình Thảo*); Dạy hát-VĐ: Gọi tên cảm xúc, Thiên thần ở khắp nơi, mẹ ơi, Mẹ ơi có biết, Head Shoulders Knees and Toes. Bé tập đánh răng. Nắm tay thân thiết...bé khỏe bé ngoan.

- **Chủ đề gia đình:** Múa cho mẹ xem (*Xuân Giao*), Ông cháu (*Phong Nhã*), Bé Chăm quét nhà (*Hà Đức Hậu*), Cả nhà đều yêu (*Bùi Anh Tôn*), Bà còng (*Phạm Tuyên*); Nhà của tôi (*Chu Hiền*); Bé quét nhà, Cả nhà thương nhau, , Ru em (dân ca xê-đăng), bà còng đi chợ, Ngôi nhà mới, Có ông bà- có ba má (Sông Trà) ; Thiên đường búp bê , nhà mình rất vui...

- **Chủ đề ngành nghề:** Vai chú mang súng. Cháu yêu cô thợ dệt. Cháu thương chú bộ đội. Bác đưa thư vui tính, chú bộ đội đi xa. Em muốn làm (Trịnh Công Sơn), em muốn làm ca sỹ (Trần Thanh Tùng) , Bé là họa sỹ (Trương Pháp). Cô giáo miền xuôi (*Mộng Lân*), Cháu yêu cô chú công nhân (*Hoàng Văn Yến*), Lớn lên cháu lái máy cày (*Kim Hữu*), Bác đưa thư vui tính (*Hoàng Lân*); Cháu yêu cô thợ dệt (*Thu Hiền*); Cháu thương chú bộ đội (*Hoàng Văn Yến*); Chú bộ đội đi xa;

- **Chủ đề Động vật:** Chú mèo con (*Nguyễn Đức Toàn*), Cá vàng bơi (*Hà Hải*), Chú voi con (*Phạm Tuyên*), Vật nuôi (*Nhạc:Anh.Dịch:Đào Ngọc Dung*), Con chuồn chuồn (*Vũ Đình Lê*), Chim chích bông (*Nhạc:Văn Dung - Lời Nguyễn Viết Bình*), Những khúc nhạc hồng (*Trần Xuân Mân*), Đố bạn (*Hồng Ngọc*); Voi làm xiếc; Chú voi con ở bản Đôn (*Phạm Tuyên*)

Cún con và Mèo Mi. Vì sao con mèo rửa mặt, đàn gà trong sân, thương con mèo, Cá vàng bơi. Thật là hay. Gọi bướm. Dân ca: Cò lả, Bắc kim thang. Con cào cào. Chú thỏ con

Chủ đề Thực vật: Quả (*Xanh Xanh*), Bầu và bí (*Nhạc:Phạm Tuyên.Lời:Dân ca cổ*), Hoa Trường em(*Dương Hưng Bang*), Màu hoa (Hồng Đăng), Mùa xuân (*Hoàng Văn Yến*), Em yêu cây xanh (*Hoàng Văn Yến*), Em thêm một tuổi (*Trương Quang Lục*), Lá xanh (*Thái Cơ*), Mùa xuân đến rồi (*Phạm Thị Sửu*), Ngày vui 8-3 (*Hoàng Văn Yến*). Sắp đến tết rồi (*Hoàng Văn*); Cùng múa hát mừng xuân (*Hoàng*

	Hà) Lý cây xanh, vườn cây của ba, quả thị... Như hoa mùa xuân (Tác giả Châu Đăng Khoa) - Chủ đề giao thông: Em đi chơi thuyền (Trần Kiết Tường), Đèn đỏ, đèn xanh (Nhạc: Lương Vĩnh. Thơ: Thế hội), Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến); Đường em đi (Ngô Quốc Tính); Lái máy bay (Xuân Giao); Đi đường em nhớ (Nguyễn Thị Thanh), Bạn ơi có biết không. Cô dạy bé bài học giao thông. Lời cô dặn, chúng em với an toàn giao thông, - Chủ đề Nước và HTTN: Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung), Cho tôi đi làm mưa với (Hoàng Hà), Ánh trăng hòa bình (Nhạc: Hồ Bắc. Lời: Mộng Lân). Cháu vẽ ông mặt trời (Tân Huyền); Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích); Trời nắng trời mưa (Đặng Nhật Mai) Đêm sao, những khúc nhạc hồng. Bé yêu biển lắm, Đừng đi đằng kia có mưa. - Chủ đề Quê hương-ĐN-BH- Trường TH: Tạm biệt búp bê (Hoàng Thông), Nhớ Giọng Bác Hồ (Nhạc Thanh phúc. Lời: Tạ Hữu Yên), Nhớ Bác (Phan huỳnh Diệu), Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao); Yêu Hà Nội (Bảo Trọng); Dâng hoa lên ông và Bác (Phạm Thị Sửu); Múa với bạn tây nguyên (Phạm Tuyên), Cháu vẫn nhớ trường mầm non (Hoàng Lân) Nhớ ơn Bác, yêu Hà nội, Quê hương tươi đẹp, Em yêu mùa hè quê em, bé yêu biển lắm, xin chào việt nam
106. Vận động nhịp nhàng phù hợp với sắc thái, nhịp điệu bài hát, bản nhạc với các hình thức (vỗ tay theo các loại tiết tấu, múa) Các hình thức như tiết tấu chậm, tiết tấu nhanh, tiết tấu phối hợp; vận động minh họa..... phù hợp với bài hát hoặc bản nhạc. Sáng tạo ra các hình thức để vận động, hát múa, nhún nhảy, lắc lư theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu(tiết tấu chậm, tiết tấu nhanh, tiết tấu phối hợp) phù hợp với bài hát hoặc bản nhạc. - Tự chọn các dụng cụ âm nhạc phù hợp với hình thức vận động của bài hát hoặc bản nhạc. - Sáng tạo ra các hình thức để vận động, hát múa, nhún nhảy, lắc lư theo các bản nhạc, bài hát yêu thích. - Vận động minh họa theo lời ca. - Lựa chọn những bài hát đưa ra hình thức vận động phù hợp với nội dung bài hát và chủ đề. * Trò chơi âm nhạc: Tai ai tinh, Hát theo hình vẽ, somi, Nghe Nghe tiết tấu tìm đồ vật. - Nghe tiếng hát tìm đồ vật, Nghe âm thanh tìm đồ vật, Bạn nào hát, Ai nhanh nhất. Ai đoán giỏi. Tạo

	dáng, So mi, thả nhảy vào chuồng; Chim gõ kiến; Hát theo tay nhịp, Bao nhiêu bạn hát.
107. Thích thú, ngắm nhìn và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.	Bộc lộ cảm xúc và nói lên cảm xúc của mình (về màu sắc, hình dáng, bố cục...) của các tác phẩm tạo hình.
108. Phối hợp và lựa chọn các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu thiên nhiên để tạo ra sản phẩm.	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - Làm quà tặng mẹ - Làm quà tặng cô giáo - Làm quà tặng chú bộ đội - Làm các con vật từ nguyên vật liệu thiên nhiên - Làm tranh con các từ lá cây, sỏi đá - Làm tranh hoa từ nguyên vật liệu thiên nhiên
109. Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kĩ năng vẽ để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Vẽ trường Mầm non - Vẽ đồ chơi trên sân trường - Vẽ bạn trai bạn gái - Vẽ người thân trong gia đình - Vẽ cô giáo - Vẽ dụng cụ nghề nông - Vẽ chú bộ đội - Vẽ cái cốc, vẽ cái nồi - Vẽ con gà - Vẽ vườn cây ăn quả - Vẽ vườn hoa - Vẽ PTGT - Vẽ mưa - Vẽ cảnh quê hương
110. Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo thành bức tranh có màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kĩ năng cắt, xé dán để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Cắt dán đồ chơi trên sân trường - Cắt dán gang tay - Cắt dán áo bạn trai, bạn gái.

	- Cắt dán cà vạt tặng bố - Cắt dán tranh ảnh 1 số nghề - Cắt dán tranh ảnh 1 số động vật nuôi - xé dán vườn cây ăn quả - xé dán thuyền trên biển - Xé dán mưa
111. Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo thành sản phẩm có bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng nặn để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Nặn quà tặng bạn - Nặn đồ dùng trong gia đình - Nặn dụng cụ nghề nông - Nặn con vật - Nặn các loại quả
112. Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo thành các sản phẩm có kiểu dáng, màu sắc hài hoà, bố cục cân đối.	- Phối hợp các kỹ năng xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng/ đường nét và bố cục. - Xếp hạt con vật - xếp que tính các ptgt - xếp que tính các con vật.... - Gấp máy bay, xếp thuyền, gấp hoa sen
113. Nhận xét các sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng, bố cục	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục KNS: Dạy trẻ kỹ năng mạnh dạn nhận xét sản phẩm được hay chưa được một cách chân thực.
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật (âm nhạc, tạo hình)	
114. Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động, hát theo các bản nhạc, bài hát yêu thích.	- Tự nghĩ ra các hình thức để tạo ra âm thanh, vận động theo các bài hát, bản nhạc yêu thích. - Đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn).
115. Gõ đệm bằng dụng cụ theo tiết tấu tự chọn	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo nhịp, tiết tấu (nhANH, chậm, phối hợp).
116. Nói lên ý tưởng và tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình.	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình. - Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích. - Đặt tên cho sản phẩm của mình. Của bạn.

	KNS: Kỹ năng giới thiệu sản phẩm của mình của bạn - Làm ra sản phẩm của chính mình. - Kỹ năng tự tin khi nói ra ý tưởng hoặc đặt tên sản phẩm của mình của bạn
117. Giáo dục tăng cường: Tiếng anh. Trẻ đếm từ 1 đến 10. Phát âm một số đồ dùng và tên gọi con vật cây cối quen thuộc. Trẻ đọc và phát âm và tô màu chữ cái bằng tiếng anh, -Tin học: Sử dụng được một số thiết bị công nghệ an toàn, đúng cách và thực hiện đúng một số thao tác với thiết bị công nghệ quen thuộc dưới sự hướng dẫn của người lớn: bật/tắt (đúng nhu cầu), sử dụng điều khiển/chuột máy tính... Môn năng khiếu: Múa và Erobic. Biết múa điệu cơ bản và biểu diễn trên sân khấu. Nhảy và hưởng ứng theo giai điệu	Tăng cường: Tiếng anh: Trẻ có thể trả lời và đặt câu hỏi về tên của mình và của bạn bằng tiếng anh. Trẻ đọc và phát âm chữ cái bằng tiếng anh. Trẻ có thể đọc và phát âm tiếng anh từ 1-10. One; Two, Three, Four, Five, Six, Seven, Eight, Nine,.. Trẻ biết đọc tên các loại quả, các con vật, các PTGT... bằng tiếng anh: Ví dụ: What's your name? (Tên của bạn là gì?) Hi, I'm Minh, and you? (Xin chào, tôi tên Minh, còn bạn?) Giáo dục tăng cường Tin học: Sử dụng được một số thiết bị công nghệ an toàn, đúng cách và thực hiện đúng một số thao tác với thiết bị công nghệ quen thuộc dưới sự hướng dẫn của người lớn: bật/tắt (đúng nhu cầu), sử dụng điều khiển/chuột máy tính... -Trẻ thực hiện các động tác múa cơ bản và nhảy đúng kỹ thuật Erobic. Trẻ biết di chuyển đội hình, phối hợp đội, nhóm

KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ KẾ HOẠCH CHĂM SÓC- GIÁO DỤC TRẺ: 5 TUỔI

Năm học: 2024-2025

(Kèm theo kế hoạch số..... /KHGD- MNDN ngày..... tháng 9 năm 2024)

TT	Chủ đề lớn	Chủ đề nhánh	Số tuần	Thời gian thực hiện
1	Trường mầm non Diễn Ngọc Thân Yêu (3 tuần)	Trường MN thân yêu	1	09/9- 27/9/2024
		Tết trung thu.	1	
		Lớp học của bé.	1	
2	Cơ thể kỳ diệu của bé(3 Tuần)	Cơ thể diệu kỳ của bé	1	30/09- 18/10/2024
		Bé Cần Gì để lớn lên và khỏe mạnh	1	
		Cảm xúc của Tôi -ngày 20/10	1	
3	Tổ ấm thân thương (3 tuần)	Những người mà bé yêu mến	1	21/10- 08/11/2024
		Ngôi nhà nơi Tôi đang sống	1	
		Đồ dùng trong gia đình	1	
4	Ước mơ của bé(5 tuần)	Nghề phổ biến	1	11/11- 13/12/2024
		Ngày hội của cô 20/11(Dã ngoại cùng cô)	1	
		Nghề truyền thống của địa phương(đánh bắt hải sản)	1	
		Nghề dịch vụ	1	
		Ước Mơ của Bé	1	
5	Động vật quanh em (5 tuần)	Ngày vui của chú bộ đội.	1	16/12/2024 - 17/01/2025
		Bé chăm sóc vật nuôi trong gia đình	1	
		Động vật sống dưới nước	1	
		Bé chung tay bảo vệ động vật	1	
		Phân loại con vật theo dấu hiệu	1	
6	Tết và Mùa xuân- Thế giới thực vật (6 tuần)	Ngày tết cổ truyền	1	20/01- 14/3/2025
		Nghỉ tết		

		Mùa xuân và các loài hoa	1	
		Cây cần gì để phát triển	1	
		Các loại rau	1	
		-Ngày vui 8-3	1	
		Quả và hạt	1	
7	Quy định và các loại phương tiện giao thông (3 tuần)	PT và quy định GT đường bộ	1	17/3-05/4/2024
		PT và quy định GT đường Thủy	1	
		PT và quy định GT đường hàng không	1	
8	Nước và các hiện tượng tự nhiên (3 tuần)	Nước thật kì diệu - Vòng tuần hoàn của nước	1	08/4-25/4/2025
		Thời tiết 4 mùa	1	
		Không khí và ánh sáng- hiện tượng tự nhiên	1	
9	Du lịch Việt nam - trường tiểu học (4 tuần)	Diễn Ngọc quê em	1	28/4-23/5/2025
		Đất nước Việt Nam mến yêu	1	
		Bác Hồ kính yêu.	1	
		Trường tiểu học - Bé vào lớp 1	1	
	Cộng		35	